



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 52+53

Ngày 02 tháng 12 năm 2022

## MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

18-11-2022 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

22-11-2022 Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 14

24-11-2022 Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ban hành quy định khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 48

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 168/BC-HĐND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới quy định tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và mức chi tập huấn, bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Mục III.2.a Điều 01 Quyết định

số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.

b) Nghị quyết này không điều chỉnh đối với việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về sách giáo khoa do các nhà xuất bản thực hiện.

c) Khi các văn bản quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; công chức trong cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của tỉnh; giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (sau đây gọi tắt là học viên); các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

## Điều 2. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện

### 1. Nội dung, mức chi

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng.	
1.1.	Chi lập mẫu phiếu Điều tra thống kê.	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Mức chi tối đa 2.500.000 đồng/phiếu mẫu được duyệt.
1.2.	Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra, khảo sát, phiếu điều tra, khảo sát, biểu mẫu điều tra, khảo sát.	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.
1.3.	Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra, khảo sát các cấp.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

TT	Nội dung chi	Mức chi
		trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
1.4.	Chi đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra.	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
-	Đối với cá nhân	
	<i>Dưới 30 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 30.000 đồng/phiếu</i>
	<i>Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 40.000 đồng/phiếu</i>
	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 50.000 đồng/phiếu</i>
-	Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định).	
	<i>Dưới 30 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 65.000 đồng/phiếu</i>
	<i>Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 80.000 đồng/phiếu</i>
	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>	<i>Mức chi 95.000 đồng/phiếu</i>
-	Đối với các cơ quan, đơn vị của nhà nước.	Mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)
1.5.	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát.	Mức chi 3.500.000 đồng/báo cáo
1.6.	Chi tiền công cho công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra, khảo sát (theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia).	
-	Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê.	Bằng 50% mức tiền lương tối thiểu vùng (bậc cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra).
-	Tiền công cho thành viên tham gia công tác điều tra, khảo sát (ngoài giờ hành chính).	Bằng mức tiền lương tối thiểu vùng (bậc cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến

TT	Nội dung chi	Mức chi
		hành điều tra).
1.7.	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê.	Chi theo thực tế, căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.
2	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác để kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
3	Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình tài liệu tập huấn, bồi dưỡng.	Áp dụng Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
	Tổ trưởng	1.000.000 đồng/người/ngày
	Thư ký, thành viên	800.000 đồng/người/ngày
	Kỹ thuật, nhân viên hỗ trợ	500.000 đồng/người/ngày
4	Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến	
4.1.	Các khoản tiền công: Xây dựng kịch bản dạy học (chuỗi các hoạt động dạy học) của bài học; Xây dựng nội dung chi tiết của bài học (từng hoạt động) theo kịch bản dạy học (Sản phẩm bao gồm nội dung các hoạt động dạng text và các chỉ dẫn/cài đặt để sử dụng các tư liệu trong từng hoạt động, chưa bao gồm các tài liệu đa phương tiện (multimedia) như hình ảnh, âm thanh, phương tiện điện tử ghi, sao chép (video), đồ họa (infographics)...); Chuyên gia/giáo viên ghi hình (Nghiên cứu kịch bản và nội dung tiết học; phối hợp với kỹ thuật viên video để chuẩn bị; phối hợp ghi hình); Xây dựng bản yêu cầu/hướng dẫn biên tập video (hậu kỳ, thời lượng video tối đa 90 phút); Thống kê và xử lý cơ bản dữ liệu kết quả của khóa tập huấn, bồi dưỡng (danh sách điểm, phân nhóm đối tượng, phổ điểm, tỷ lệ - tối thiểu cho 250 học viên).	
-	Mức tiền công chi trả theo tháng (áp dụng đối với thành viên tham gia thực hiện công việc đủ thời	

TT	Nội dung chi	Mức chi
	gian theo tháng).	
	<i>Thành viên tham gia thuộc một trong các trường hợp sau: Có bằng đại học đúng chuyên ngành và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm; có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm; đảm nhiệm chức danh Tổ trưởng hoặc Trưởng nhóm điều hành thực hiện công việc được phân công.</i>	<i>Mức chi 24.000.000 đồng/người/tháng</i>
	<i>Thành viên tham gia thuộc một trong các trường hợp sau: Có bằng đại học đúng chuyên ngành và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm; có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm.</i>	<i>Mức chi 18.000.000 đồng/người/tháng</i>
	<i>Thành viên tham gia thuộc một trong các trường hợp sau: Có bằng đại học đúng chuyên ngành và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm; có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm.</i>	<i>Mức chi 12.000.000 đồng/người/tháng</i>
	<i>Thành viên tham gia thuộc một trong các trường hợp sau: Có bằng đại học đúng chuyên ngành và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm; có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực</i>	<i>Mức chi 10.000.000 đồng/người/tháng</i>

TT	Nội dung chi	Mức chi
	<i>công việc đảm nhiệm.</i>	
-	Mức tiền công chi trả theo tuần (áp dụng đối với thành viên tham gia thực hiện công việc từ 6 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng).	Xác định trên cơ sở mức tiền công chi trả theo tháng nhân với 12 tháng, chia cho 52 tuần và nhân với hệ số 1,2 (các đối tượng tương ứng với từng trường hợp được hưởng mức tiền công chi trả theo tháng nêu trên).
-	Mức tiền công chi trả theo ngày áp dụng đối với thành viên tham gia thực hiện công việc từ 8 giờ trở lên nhưng không đủ 6 ngày.	Xác định trên cơ sở mức tiền công chi trả theo tháng chia cho 26 ngày và nhân với hệ số 1,3 (các đối tượng tương ứng với từng trường hợp được hưởng mức tiền công chi trả theo tháng nêu trên).
-	Mức tiền công chi trả theo giờ áp dụng đối với thành viên tham gia thực hiện công việc dưới 8 giờ.	Xác định trên cơ sở mức tiền công chi trả theo tháng chia cho 26 ngày, chia cho 8 giờ và nhân với hệ số 1,3 (các đối tượng tương ứng với từng trường hợp được hưởng mức tiền công chi trả theo tháng nêu trên).
4.2.	Chi phí quay video bài giảng (thời lượng tối đa của video không quá 90 phút; giá bao gồm công kỹ thuật viên và thiết bị; chưa bao gồm phí di chuyển, lưu trữ, ăn uống của kỹ thuật viên (01-02 người)).	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
4.3.	Chi biên tập video (cắt/ghép video theo yêu cầu của chuyên gia; chuyển đổi định dạng, độ phân giải, làm việc theo chỉ đạo của chuyên gia).	
4.4.	Chi nhập liệu nội dung dạng văn bản (bao gồm chèn ảnh có sẵn); Chi số hóa câu hỏi vào hệ thống học tập trực tuyến gắn với hoạt động học (dữ liệu có cấu trúc; yêu cầu bản ghi (file) câu hỏi, trong đó nêu rõ đáp án); Chi số hóa nội dung văn bản vào hệ thống quản lý học tập; Chi phí gia công bài	Áp dụng theo quy định tại Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

TT	Nội dung chi	Mức chi
	giảng điện tử tương tác.	
-	Chi nhập liệu nội dung dạng văn bản (bao gồm chèn ảnh có sẵn) là các dữ liệu đã được tổ chức theo một cấu trúc thống nhất, bản thân các cấu trúc này không hoặc ít có sự biến động theo thời gian.	
	<i>Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 01 trường (n) ≤ 15.</i>	<i>Mức chi 300 đồng/01 trường dữ liệu</i>
	<i>Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 01 trường 15 &lt; n ≤ 50.</i>	<i>Mức chi 375 đồng/01 trường dữ liệu</i>
	<i>Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 01 trường (n) &gt; 50.</i>	<i>Mức chi 450 đồng/01 trường dữ liệu</i>
-	Chi số hóa câu hỏi vào hệ thống học tập trực tuyến gắn với hoạt động học (dữ liệu có cấu trúc; yêu cầu bản ghi (file) câu hỏi, trong đó nêu rõ đáp án); Chi số hóa nội dung văn bản vào hệ thống quản lý học tập; Chi phí gia công bài giảng điện tử tương tác.	Bằng 9% mức chi quy định cho việc nhập liệu nội dung dạng văn bản (bao gồm chèn ảnh có sẵn) nêu trên.
-	Các khoản chi phí khác: Chi thuê địa điểm/lớp học để ghi hình/quay video; chi thiết kế tiêu đề (banner) đặt trên trang mạng (website); xây dựng đồ họa (infographic).	Thanh toán theo thực tế phát sinh khi có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định
5	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Mức chi được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 01 buổi tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả



TT	Nội dung chi	Mức chi
		<p>hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến). Số lượng các thành viên tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Số giờ giảng vượt định mức của các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; giờ giảng của các giảng viên là giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán làm nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương cho những giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn lại được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thu vẫn được hưởng theo chế độ tiền công giảng viên theo quy định.</p>
6	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
7	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. (Áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị

TT	Nội dung chi	Mức chi
		được giao chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí được chỗ nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên mà phải đi thuê)
8	Chi thuê biên dịch, phiên dịch.	Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.
9	Chi nước uống phục vụ lớp học.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
10	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi.	Thực hiện bằng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND tỉnh về quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Riêng đối với các giảng viên giảng dạy trong các cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; các giảng viên là giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán làm nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương cho những giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn lại (nếu có): thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định

TT	Nội dung chi	Mức chi
		số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
11	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc.	Mức chi 200.000 đồng/học viên.
12	Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế.	Chỉ áp dụng cho các lớp có thời gian đi học tập, nghiên cứu thực tế được quy định trong chương trình học và được cấp thẩm quyền phê duyệt
12.1.	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế.	Thanh toán theo giá thực tế phát sinh khi có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của pháp luật.
12.2.	Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế.	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.
13	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại cho học viên từ cơ quan đến nơi tập huấn, bồi dưỡng (một lượt đi và về); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung tại cơ sở tập huấn, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở tập huấn, bồi dưỡng và đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
14	Chi tài liệu học tập bắt buộc (mua, in ấn giáo trình, tài liệu)	Áp dụng theo Nghị quyết số

TT	Nội dung chi	Mức chi
	theo nội dung chương trình khóa tập huấn, bồi dưỡng cho học viên tham dự (không bao gồm tài liệu tham khảo); Chi thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ tập huấn, bồi dưỡng (nếu có), bao gồm thuê thiết bị công nghệ thông tin, thuê đường truyền, thuê tài khoản trực tuyến, các chi phí trực tiếp khác về công nghệ thông tin đối với hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến; Chi in và cấp chứng chỉ; Chi tổ chức hội đồng xét kết quả; chi lễ khai giảng, bế giảng; Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên; Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, công tác phí và chi làm thêm giờ (nếu có) cho cán bộ quản lý lớp học, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác).	10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hồ sơ thanh toán phải đầy theo quy định; đối với các khoản chi đã ban hành định mức thì phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đối với các khoản chi chưa có định mức thì mức chi phải phù hợp với mặt bằng chung trên địa bàn; đối với hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến được thuê các thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, tài khoản trực tuyến, các chi phí trực tiếp khác về công nghệ thông tin khi cơ quan, đơn vị không bố trí được, mức thuê theo hợp đồng với đơn vị cung cấp và phải phù hợp với mặt bằng chung trên địa bàn; đơn vị tổ chức phải hợp đồng trực tiếp với đơn vị cung cấp dịch vụ đường truyền, tài khoản trực tuyến.

Tùy theo quy mô, tính chất của các nội dung thực hiện để tiến hành công tác tập huấn, bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể cho từng nội dung chi.

## 2. Kinh phí thực hiện

- a) Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
- b) Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập.
- c) Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật của các cơ sở giáo dục; đóng góp của học viên.
- d) Nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

3. Việc lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Bảy thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 11 năm 2022./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 11 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;*
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*
- Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 203/TTr-SKHĐT ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Công văn số 3021/SKHĐT-XTĐT ngày 11 tháng 11 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này với Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2022/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp của các Sở, ngành, địa phương trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư và quản lý các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai, đầu tư, đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư có sử dụng đất tại Quy định này không áp dụng đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp hoặc Cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng.

4. Các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất không được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các thủ tục đầu tư hoặc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đầu tư hoặc có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là nhà đầu tư).

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 3. Yêu cầu quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

1. Đảm bảo quyền của nhà đầu tư trong thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành, nghề mà Luật Đầu tư không cấm; nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan khác.



2. Đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin về hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư; cung cấp thông tin về tình hình thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

4. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư và phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư, quản lý dự án đầu tư**

1. Quy trình, thủ tục đầu tư phải được thực hiện đơn giản, nhanh chóng, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với chủ trương của Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục đầu tư phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, tuân thủ theo quy định của pháp luật, không gây thiệt hại cho nhà nước và nhà đầu tư; hướng dẫn và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và chỉ được thông báo 01 lần bằng văn bản cho nhà đầu tư về toàn bộ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đối với mỗi bộ hồ sơ.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục đầu tư chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư và Quy định này; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác giải quyết trước đó.

4. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

5. Việc phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật có liên quan; nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ CHUNG TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **Điều 5. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư**

1. Lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua một trong các hình thức sau đây:

- a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 29

Luật Đầu tư.

2. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Việc chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất mà chỉ có một người đăng ký tham gia hoặc đấu giá không thành theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký theo quy định của pháp luật về đấu thầu được thực hiện như sau:

a) Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc đã tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần không thành theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Đã đăng tải Danh mục dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá, đấu thầu có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này và có văn bản thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư (nếu có) để thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

4. Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

5. Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án và tiến hành lấy ý kiến thẩm định của các Sở ngành, địa phương có liên quan; tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư và việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, đấu thầu, đấu giá tài sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

6. Đối với các dự án lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu, sau khi thực hiện thủ tục quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13 Quy định này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho:

a) Sở Xây dựng là bên mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo các loại hình quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Nhà ở.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) làm bên mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn hành chính cấp huyện, trừ dự án đầu tư thuộc điểm a khoản này. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với các dự án này.

c) Trường hợp dự án đầu tư không thuộc điểm a khoản này và được thực hiện trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn một Ủy ban nhân dân cấp huyện để giao làm bên mời thầu.

d) Đối với các dự án quy định tại điểm b, c khoản này, nếu có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân cấp huyện không thể làm bên mời thầu lựa chọn nhà đầu tư hoặc việc giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh làm bên mời thầu sẽ thuận lợi hơn cho quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thì căn cứ vào mục tiêu, quy mô, tính chất của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật phù hợp với mục tiêu của dự án để làm bên mời thầu lựa chọn nhà đầu tư.

đ) Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cơ quan được giao làm bên mời thầu ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư.

7. Đối với các dự án lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất việc xác định đơn vị tổ chức đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

8. Đối với các dự án đầu tư không thuộc đối tượng thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu

thầu, quy định của pháp luật có liên quan khác và không thuộc trường hợp xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thì việc xác định nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án được thực hiện như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc công bố thông tin về dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên. Thời gian công bố thông tin là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên.

b) Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo nội dung thông tin về dự án đầu tư được công bố, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đăng tải thông tin dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ngay trong ngày hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo liền kề ngày tiếp nhận văn bản.

c) Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hiện dự án của các nhà đầu tư trong thời gian công bố thông tin dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

#### **Điều 6. Chấp thuận chủ trương đầu tư**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 32 của Luật Đầu tư; khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

2. Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư; khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và nộp về Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn, trừ những dự án đầu tư xây dựng nhà ở;

c) Trường hợp dự án đầu tư không thuộc điểm a khoản này và địa điểm thực hiện dự án thuộc địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, Sở Kế

hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn một Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư;

d) Đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này, căn cứ vào mục tiêu, quy mô, tính chất của dự án, nếu xét thấy cần thiết Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xem xét, đánh giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật phù hợp với mục tiêu của dự án lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư sản xuất nông, lâm kết hợp, nông nghiệp, dự án lâm nghiệp đề xuất thực hiện trên đất rừng (đất có rừng hoặc đất không có rừng) thuộc quy hoạch lâm nghiệp:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xem xét, đánh giá các điều kiện có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc cho nhà đầu tư tổ chức khảo sát diện tích đất đề xuất thực hiện dự án. Sau khi có kết quả khảo sát của nhà đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức phúc tra kết quả khảo sát và có ý kiến bằng văn bản về nội dung, thông tin hiện trạng đất, rừng đã được xác định theo quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, làm cơ sở để nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Văn bản cho phép khảo sát của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ làm cơ sở để nhà đầu tư tổ chức khảo sát diện tích đất đề xuất thực hiện dự án, không phải là quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải cam kết và thực hiện nội dung cam kết về việc chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án được thực hiện thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương III Quy định này.

5. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai thì không thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các quy định của pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch khác có liên quan và nhu cầu đầu tư, sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân để xem xét, giải quyết việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Luật Đất đai, trừ trường hợp cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào

mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật đất đai và đầu tư trước khi quyết định việc thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án. Các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

1. Các trường hợp phải thực hiện và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

### **Điều 8. Bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ các trường hợp quy định điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 43 của Luật Đầu tư.

2. Nội dung, hình thức, mức ký quỹ và thủ tục bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

## **Chương III**

### **QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **Điều 9. Quy trình chung về giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất**

Các dự án đầu tư có sử dụng đất do các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nhà đầu tư đề xuất thực hiện thủ tục theo quy trình chung như sau:

1. Lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư:

a) Căn cứ theo đề nghị của nhà đầu tư, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vị trí khu đất, các điều kiện, quy định của pháp luật có liên quan đến việc thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này để nhà đầu tư tiến hành khảo sát, lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

b) Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 10 Quy định này đối với các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Triển khai các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định việc triển khai thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này.

b) Đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

c) Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

d) Đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

5. Triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục có liên quan khác sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án:

a) Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này, nhà đầu tư được lựa chọn liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sau đây:

- Thông báo thu hồi đất (đối với dự án trên đất chưa thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai).

- Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết.

- Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy; thẩm định hồ sơ giao rừng, thuê rừng; bảo vệ môi trường.

- Các thủ tục đất đai, xây dựng.
- Cấp Giấy phép xây dựng.
- Các thủ tục về giao rừng, thuê rừng (đối với dự án có sử dụng đất rừng).

b) Thủ tục đầu tư, xây dựng cụ thể đối với từng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 15 Quy định này.

### **Điều 10. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư**

Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và thực hiện những nội dung sau đây:

1. Trường hợp chưa có đầy đủ thông tin về vị trí dự kiến thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan tổ chức khảo sát thực tế, làm cơ sở cho việc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản về đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Riêng đối với dự án đầu tư sản xuất nông, lâm kết hợp, dự án lâm nghiệp đề xuất thực hiện trên đất rừng (đất có rừng hoặc đất không có rừng) thuộc quy hoạch lâm nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này.

2. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại các xã biên giới và khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh được xác định theo quy định tại khoản 8 Điều 2 và điểm đ khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hoặc ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 98 Nghị định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan trước khi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

3. Đối với các dự án có liên quan đến yếu tố quốc phòng, quy trình lấy ý kiến thẩm định về quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng và Điều 9, Điều 10 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Đối với các dự án đầu tư đề xuất triển khai tại các xã thuộc vùng CT229 được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý, bảo vệ và xây dựng các vùng CT229 ban hành kèm theo Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.



4. Đối với dự án đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Giải quyết thủ tục đầu tư trong trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư**

Sau khi thực hiện thủ tục quy định tại Điều 10 Quy định này, trường hợp xác định dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư và việc triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, đấu thầu, đấu giá tài sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 12. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Triển khai các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, đấu giá tài sản và quy định của pháp luật có liên quan khác.

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm, nhà đầu tư trúng đấu giá phải thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án với Sở Kế hoạch và Đầu tư và ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo nội dung thỏa thuận đã ký kết với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước thời điểm ký kết hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc đã tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần không thành theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá có trách nhiệm xem xét và thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư (nếu có) để thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư và các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Đầu tư.

4. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”); giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá.

Sau khi người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết

Thực hiện theo quy định của pháp luật xây dựng, quy hoạch đô thị.

6. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

Nhà đầu tư gửi hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi với các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 58 Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của các dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn sử dụng vốn khác quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (trừ dự án đầu tư xây dựng nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án đầu tư xây dựng do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư), dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh. Các dự án khác nhà đầu tư tự tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.

7. Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường.

a) Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với đồ án quy hoạch xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng; các dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

b) Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

Nhà đầu tư gửi hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế hai bước) đến cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về việc bổ sung Điều 83a vào Điều 83 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đối với các công trình xây dựng

ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn. Nhà đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình còn lại.

#### 9. Cấp Giấy phép xây dựng

Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ theo thẩm quyền quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 để thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng.

#### **Điều 13. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu**

1. Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Triển khai các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan khác theo trình tự như sau:

a) Lập danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

b) Tổng hợp danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

c) Phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

Trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư, căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu đồng thời là văn bản quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án.

d) Công bố danh mục dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

đ) Chuẩn bị, nộp và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

e) Nhà đầu tư tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và ký hợp đồng thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định này.

4. Triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng:

Thủ tục tại điểm a có thể thực hiện đồng thời với thủ tục tại điểm b hoặc điểm c, d.

a) Thông báo thu hồi đất, lập Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai): Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

b) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định này.

c) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 6 Điều 12 Quy định này.

d) Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường: Nội dung thực hiện như quy định khoản 7 Điều 12 Quy định này.

đ) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; giao rừng, cho thuê rừng (nếu có); Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có); Bàn giao đất trên thực địa; xác định đơn giá thuê đất; Ký hợp đồng thuê đất, thuê rừng (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai, lâm nghiệp.

e) Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 8 Điều 12 Quy định này.

g) Cấp Giấy phép xây dựng: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 9 Điều 12 Quy định này.

**Điều 14. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Quy định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

**Điều 15. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không thông qua đấu giá, đấu thầu thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Triển khai thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định này.

3. Triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng:

Các thủ tục tại điểm a có thể thực hiện đồng thời với các thủ tục tại điểm b, c và d.

a) Thông báo thu hồi đất, lập Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai): Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

b) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định này.

c) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 6 Điều 12 Quy định này.

d) Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường: Nội dung thực hiện như quy định khoản 7 Điều 12 Quy định này.

Ngoài ra, đối với các dự án bảo vệ và phát triển rừng, nhà đầu tư lập Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng gửi đến cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cấp huyện tham gia ý kiến theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và thực hiện thủ tục thẩm định hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với dự án có đề nghị giao rừng, thuê rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp.

đ) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; giao rừng, cho thuê rừng (nếu có); Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có); Bàn giao đất trên thực địa; xác định đơn giá thuê đất; Ký hợp đồng thuê đất, thuê rừng (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai, lâm nghiệp.

e) Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 8 Điều 12 Quy định này.

g) Cấp Giấy phép xây dựng: Nội dung thực hiện như quy định tại khoản 9 Điều 12 Quy định này.

### **Điều 16. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

1. Đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài:

a) Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

b) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận nhà đầu tư và nhà đầu tư đã trúng đấu giá, trúng đấu thầu; dự án thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Đối với dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **Điều 17. Trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn và địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện chủ động tổ chức kiểm tra, thẩm định để giải quyết hồ sơ, thủ tục cho nhà đầu tư; không chuyển công việc thuộc chức năng, thẩm quyền của mình lên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cho các cơ quan, đơn vị khác.

2. Trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cung cấp thông tin để nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định phải tổ chức khảo sát thực tế, thực trạng khu vực đề xuất thực hiện dự án, để từ đó xem xét, đánh giá đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu và nội dung có liên quan, tránh tình trạng cung cấp thông tin, cho ý kiến hoặc báo cáo, tham mưu không đúng, không đầy đủ, không chính xác dẫn đến tình trạng phải thực hiện nhiều lần, gây khó khăn, chậm trễ cho việc nghiên cứu lập đề xuất dự án của nhà đầu tư, quá trình giải quyết thủ tục đầu tư của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Việc lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước để giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Cơ quan lấy ý kiến phải xác định nội dung đề nghị có ý kiến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến và thời hạn trả lời theo quy định của pháp luật về đầu tư và Quy định này.

b) Trong thời hạn quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đảm bảo thời gian, đúng nội dung được lấy ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; văn bản trả lời phải thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung được xin ý kiến, những vấn đề đồng ý hoặc không đồng ý, nêu rõ lý do và cho ý kiến về những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Quá thời hạn quy định mà cơ quan được lấy ý kiến chưa thể trả lời thì phải có văn bản nêu rõ lý do và xác định cụ thể thời hạn trả lời gửi cơ quan lấy ý kiến, đồng thời gửi văn bản xin lỗi đến nhà đầu tư về việc chậm trễ của đơn vị mình dẫn đến chậm trễ trong việc giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư và gửi về Sở Nội vụ để thống kê, theo dõi, định kỳ tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

c) Trường hợp quá thời hạn quy định mà cơ quan được lấy ý kiến không trả lời hoặc không có văn bản thông báo lý do chậm trả lời thì cơ quan chủ trì giải quyết xem xét quyết định thực hiện các thủ tục tiếp theo và các nội dung có liên quan của quy trình giải quyết thủ tục đầu tư theo quy định hoặc tiếp tục có

văn bản yêu cầu cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với nội dung được lấy ý kiến trong một khoảng thời hạn xác định. Trong trường hợp này, nếu cơ quan được lấy ý kiến không trả lời thì phải chịu trách nhiệm theo quy định về những vấn đề liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình đối với nội dung được lấy ý kiến.

d) Khi có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan thẩm định đề xuất dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động yêu cầu các cơ quan có ý kiến thống nhất hoặc tổ chức cuộc họp để thống nhất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp xác định nội dung vượt thẩm quyền giải quyết, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giải quyết trong buổi họp với doanh nghiệp, nhà đầu tư vào thứ 5 hàng tuần hoặc các buổi họp, làm việc khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tùy theo tình hình thực tế.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung được giao chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết thủ tục khác có liên quan đến hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và Quy định này; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó. Trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư xét thấy nội dung đã được chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó không đúng quy định của pháp luật hoặc chưa phù hợp theo quy định thì chủ động báo cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

5. Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước khác không giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư và tranh chấp giữa nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư.

### **Điều 18. Trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin**

1. Thông tin đầu tư vào tỉnh Đắk Lắk được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <http://daklak.gov.vn>, trang thông tin của Trung tâm xúc tiến đầu tư Đắk Lắk tại địa chỉ <http://ipc.daklakdpi.gov.vn>, hoặc trực tiếp tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan về môi trường đầu tư, thủ tục đầu tư ngay khi nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư.

2. Trường hợp nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan đăng ký đầu tư có yêu cầu cung cấp thông tin về quy hoạch, danh mục dự án thu hút đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất và các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư, các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1 Điều 19 Quy định này có trách nhiệm cung cấp thông tin theo thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan đăng ký đầu tư để tiến hành việc lập hồ sơ đề nghị



chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư hoặc giải quyết các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến kết quả thực hiện các thủ tục đầu tư cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo thẩm quyền quy định.

### **Điều 19. Trách nhiệm chung của các cơ quan nhà nước**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các Sở, ban, ngành quản lý quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp công bố đầy đủ, công khai thông tin về quy hoạch, danh mục dự án thu hút đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng quản lý của mình, có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền quản lý theo đề nghị của nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan đăng ký đầu tư; gửi các nội dung, thông tin về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định tại Luật Quy hoạch cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất.

3. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, tăng cường công tác đánh giá, kiểm tra và giám sát các dự án đầu tư, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định triển khai thực hiện những nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, xây dựng, thuế... trong quá trình thẩm định và quản lý các dự án đầu tư, trong đó có dự án đầu tư nước ngoài, tránh phát sinh khiếu kiện, tranh chấp trong nước và quốc tế.

- Định kỳ đánh giá tình hình hoạt động của các dự án đầu tư theo lĩnh vực, địa bàn được giao, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp lợi dụng quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh không lành mạnh.

- Tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư theo quy định.

- Tăng cường công tác đối thoại, hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư; đối với những nội dung vượt thẩm quyền thì kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định, đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.

- Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, điều chỉnh định hướng thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu.

- Tích cực và chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, chủ động xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư phù hợp với tình hình mới.

4. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan khi tiếp nhận hồ sơ dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi về phải tổ chức thẩm định và đánh giá cẩn trọng về công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng sản phẩm, môi trường, suất đầu tư... đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực mà nhà đầu tư có dấu hiệu lợi dụng xuất xứ tại Việt Nam để lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, lẩn tránh thuế.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan xây dựng, thực hiện liên thông thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

6. Phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong công tác quản lý các dự án đầu tư:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các Sở, ngành và các cơ quan thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm kiểm tra theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất được giao và tiến hành xử lý hành vi vi phạm hành chính đối với nhà đầu tư vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư kinh doanh. Việc kiểm tra theo kế hoạch phải đảm bảo nguyên tắc trong một năm không được kiểm tra đối với một dự án quá một lần, đối tượng kiểm tra phải được mở rộng theo thứ tự luân phiên, không tập trung vào một số đối tượng cố định, đồng thời khi tiến hành kiểm tra nhiều vấn đề khác nhau đối với cùng một đơn vị phải thực hiện cùng một thời điểm theo hình thức tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành. Kế hoạch kiểm tra phải được gửi đến Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi và điều tiết theo quy định.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn lập kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn và phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh tiến hành kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn theo yêu cầu đề ra. Đồng thời chủ động tiến hành kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các dự án đầu tư kinh doanh trên địa bàn theo thẩm quyền quy định hoặc thuộc lĩnh vực được phân cấp quản lý.

c) Khi phát hiện nhà đầu tư có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải buộc chấm dứt hành vi vi phạm và tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi văn bản xử lý vi phạm hành chính đến Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xử lý vi phạm.

d) Trong trường hợp phát hiện và xác định dự án đầu tư đã ngừng hoạt động, cơ quan, đơn vị có liên quan phải thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư biết trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện và xác định việc dự án đầu tư đã ngừng hoạt động, kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan để có cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Các Sở: Công Thương, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý có trách nhiệm:

a) Chủ động trong công tác quản lý các dự án đầu tư hoạt động theo ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật được phân công theo thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định;

b) Tổng hợp, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong đầu tư thuộc phạm vi thẩm quyền; tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp hỗ trợ hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

c) Tổ chức hướng dẫn nhà đầu tư về điều kiện đầu tư kinh doanh; thực hiện các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tương ứng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý theo chuyên ngành dọc; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong công tác quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh của nhà đầu tư.

d) Xây dựng báo cáo về số liệu và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật; quản lý thông tin, số liệu để báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cũng như các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác.

đ) Tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh và các loại giấy tờ khác liên quan đến điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và theo quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và ban hành. Hướng dẫn và giám sát Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

được quản lý theo ngành dọc trong việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh đối với nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và thực hiện dự án đầu tư.

9. Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao không được có hành vi cản trở, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện hoạt động đầu tư, các quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm:

a) Tham mưu triển khai và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư; tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về đầu tư của tỉnh theo quy định, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Là đầu mối hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, nếu vượt thẩm quyền đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xét giải quyết theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên Môi trường và các cơ quan có liên quan tổ chức giới thiệu địa điểm, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng.

d) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, việc bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư, tiến độ thực hiện dự án và các thông tin có liên quan khác theo yêu cầu của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư.

e) Hướng dẫn, yêu cầu các nhà đầu tư thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án đầu tư; xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp không tuân thủ chế độ báo cáo.

g) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp xử lý kiên quyết đối với các dự án không triển khai, chậm triển khai, không thực hiện đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

i) Tổ chức giám sát đánh giá đầu tư theo quy định; Tổng hợp tình hình đầu tư, đánh giá tác động và hiệu quả kinh tế của hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh; Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư.

k) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng và ban hành sổ tay hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh để công bố rộng rãi cho nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công, các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

1. Chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết; thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng các dự án nhà ở, dự án phát triển khu đô thị mới theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và quy định của pháp luật có liên quan khác.

3. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, giới thiệu địa điểm đầu tư; có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo nội dung quản lý của đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư.

4. Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng thực hiện dự án đầu tư, theo dõi, giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc thi hành các điều

khoản của hợp đồng thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5 Quy định này.

5. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về việc giấy phép xây dựng, quy hoạch xây dựng, kết quả kiểm tra tình hình chấp hành quy định của pháp luật của nhà đầu tư trong hoạt động xây dựng và các thông tin có liên quan khác theo yêu cầu của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở, đô thị và các dự án khác theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định; theo dõi, tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý những sai phạm nếu có.

### **Điều 22. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Chủ trì tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp Giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tham mưu thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giao đất, cho thuê đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất; hướng dẫn các thủ tục về giải phóng mặt bằng; tham mưu giá đất cụ thể thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh; có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo nội dung quản lý của đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư;

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập theo quy định.

6. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kết quả thanh tra, kiểm tra tình hình sử dụng đất của các đơn vị thực hiện dự án, việc chi trả tiền bồi thường tài sản trên đất khi thu hồi đất và các thông tin có liên quan khác theo yêu cầu của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án khai thác khoáng sản và các dự án khác theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy

định; theo dõi, tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý những sai phạm nếu có.

### **Điều 23. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát quỹ đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

2. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc cho nhà đầu tư tổ chức khảo sát diện tích đất đề xuất thực hiện dự án đầu tư dự án đầu tư sản xuất nông, lâm kết hợp, dự án lâm nghiệp trên đất rừng (đất có rừng hoặc đất không có rừng) thuộc quy hoạch lâm nghiệp; tổ chức hướng dẫn việc khảo sát và tổ chức phúc tra kết quả khảo sát rừng theo điểm a khoản 4 Điều 6 Quy định này.

3. Thẩm định hồ sơ giao rừng, thuê rừng, điều kiện giao rừng, cho thuê rừng, giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định pháp luật.

4. Có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo nội dung quản lý của đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư dự án; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án phát triển nông lâm nghiệp, dự án chăn nuôi và các dự án khác theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định; theo dõi, tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý những sai phạm nếu có.

### **Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nguồn kinh phí và việc sử dụng nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan khác.

2. Có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư.

3. Chủ trì thẩm định, đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, để làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

### **Điều 25. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về quy hoạch ngành; có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo nội dung quản lý của đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư.

3. Chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án phát triển năng lượng và các dự án thuộc lĩnh vực công thương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định; theo dõi, tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý những sai phạm nếu có.

### **Điều 26. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì thẩm định công nghệ sử dụng trong dự án thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyên giao theo quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ.

2. Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với nhà đầu tư.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xác minh các vụ việc nhà đầu tư vi phạm đối tượng sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh, để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

### **Điều 27. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xin ý kiến Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để xác minh tư cách pháp nhân của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài trước khi thực hiện dự án đầu tư tại tỉnh.

2. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đoàn vào ngắn hạn đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài đến khảo sát, thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai các dự án đầu tư tại tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc ký kết thỏa thuận quốc tế giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài.

### **Điều 28. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai công tác cải cách hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động đầu tư theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh đã được phê duyệt.



2. Nghiên cứu và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

### **Điều 29. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Kịp thời tổng hợp, rà soát nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh đúng thời hạn quy định trong việc giải quyết thủ tục dự án đầu tư có sử dụng đất và công tác quản lý các dự án đầu tư theo thẩm quyền do các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, đề xuất.

2. Tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết thủ tục và triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh do nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị kiến nghị, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp giải quyết vào ngày thứ 5 hàng tuần.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến về những nội dung có liên quan thuộc thẩm quyền xử lý, giải quyết của cơ quan cấp trên.

4. Đăng tải thông tin dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư để xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm đăng ký thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

5. Tổng hợp, theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị giải quyết các thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư.

6. Theo dõi, chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, trả kết quả các thủ tục đầu tư theo quy định.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Công an tỉnh**

1. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, chỉ đạo thực hiện chủ trương, biện pháp, chương trình, kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về yếu tố an ninh của dự án đầu tư; có ý kiến về dự án đầu tư về yếu tố an ninh; tham gia công tác kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư có liên quan.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia thẩm định, đánh giá tác động của các yếu tố liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn những hành vi, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước, vi phạm pháp luật về trật

tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, tài nguyên và an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình khảo sát, thực hiện thủ tục, triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm liên quan đến hoạt động đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ giải quyết các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự, an toàn xã hội liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Căn cứ chức năng, thẩm quyền quy định quyết định đình chỉ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của dự án đầu tư khi phát hiện nhà đầu tư có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật; đồng thời thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để có biện pháp xử lý các trường hợp này theo quy định của pháp luật.

6. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định thực hiện công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; quản lý về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú đối với cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại tỉnh.

7. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu khi có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của cá nhân, tổ chức có liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

8. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn:

a) Chủ trì tổ chức thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy; kiểm định thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy; kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng và tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan có ý kiến đối với dự án đầu tư về yếu tố an toàn phòng cháy chữa cháy; trả lời về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch, hồ sơ thiết kế cơ sở, chấp thuận địa điểm công trình; tham gia công tác kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư có liên quan.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về yếu tố quốc phòng của địa điểm đầu tư dự án theo thẩm quyền.

2. Có ý kiến thẩm định hoặc kịp thời báo cáo cấp trên xem xét, cho ý kiến về yếu tố quốc phòng đối với hồ sơ đề xuất dự án đầu tư.

3. Tham gia công tác kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư có liên quan theo đề nghị của của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

### **Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh**

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp, xác nhận thông tin liên quan đến việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc phạm vi khu vực biên giới.

2. Có ý kiến hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến về yếu tố an ninh quốc phòng trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư thuộc phạm vi khu vực biên giới.

3. Tham gia công tác kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư có liên quan theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

### **Điều 33. Trách nhiệm của Thanh tra tỉnh**

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đối với các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 6 Điều 19 Quy định này.

3. Tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra tỉnh và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án đầu tư, nhà đầu tư và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý nhà nước về đầu tư.

5. Hướng dẫn và thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh**

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu quản lý về tình hình tài chính của nhà đầu tư để làm cơ sở đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư trong thực hiện dự án theo đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư.

2. Thực hiện quản lý thuế đối với các dự án đầu tư theo chức năng, thẩm quyền quy định; cung cấp dữ liệu, trao đổi thông tin với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan về tình hình chấp hành pháp luật thuế của nhà đầu tư khi nhận được yêu cầu.

3. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về việc ban hành đơn giá thuê đất, việc miễn giảm tiền thuê đất, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư và các thông tin có liên quan khác theo yêu cầu của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 35. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh**

1. Hướng dẫn và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án tại khu công nghiệp theo quy định của pháp luật và phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư trong khu công nghiệp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, nghiên cứu, đề xuất triển khai thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp theo quy định.

4. Nhận báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của nhà đầu tư hoạt động trong khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

5. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho các cơ quan chức năng (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và Công an tỉnh) về tình hình cấp, điều chỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, triển khai và hoạt động của dự án đầu tư, tình hình thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, tình hình thu hút và sử dụng lao động, tình hình giải quyết tranh chấp lao động, tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái trong khu công nghiệp đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư;

6. Định kỳ tập hợp và gửi danh sách kèm thông tin về các dự án đầu tư đã đăng ký đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Việc trao đổi thông tin về dự án đầu tư có thể thực hiện thông qua mạng điện tử.

### **Điều 36. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thẩm định, phê duyệt quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền; xác định đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; cấp Giấy phép môi trường theo thẩm quyền đối với các dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền đối với các công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất; có ý kiến về dự án đầu tư khi có yêu cầu theo nội dung quản lý của đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; tham gia kiểm tra, khảo sát vị trí đầu tư xây dựng; tham gia công tác giám sát, đánh giá đầu tư hoặc kiểm tra định kỳ hay đột xuất dự án đầu tư; giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

3. Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng, theo dõi, giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện hợp đồng thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án quy định tại điểm b, c khoản 6 Điều 5 Quy định này.

4. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất do cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập theo quy định.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trên địa bàn:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn phát triển. Trên cơ sở các thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn cho nhà đầu tư lập và báo cáo kế hoạch triển khai công tác đầu tư xây dựng và thời điểm bắt đầu hoạt động đầu tư kinh doanh, để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ cho hoạt động của dự án đầu tư.

c) Xử lý vi phạm của nhà đầu tư theo thẩm quyền, kịp thời thông báo thông tin về kết quả xử lý cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan để phối hợp quản lý.

d) Trực tiếp hoặc chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tương ứng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý theo chuyên ngành; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong công tác quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh của nhà đầu tư.

đ) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung:

- Tình hình tổ chức thực hiện Luật Đầu tư trên địa bàn;
- Tình hình chấp hành và vi phạm pháp luật của nhà đầu tư trên địa bàn;
- Những biện pháp nhằm tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư;

e) Định kỳ hàng năm và theo từng giai đoạn xây dựng, ban hành danh mục các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

g) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp, xác minh thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn.

h) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tiến hành kiểm tra dự án đầu tư trên địa bàn về việc chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, chấp hành nội dung đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các

hoạt động theo giấy phép chuyên ngành, thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan biết.

### **Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Phối hợp cho ý kiến thẩm định đề xuất dự án đầu tư khi được yêu cầu.
2. Phối hợp giám sát việc triển khai của các dự án đầu tư trên địa bàn theo thẩm quyền; phát hiện và báo cáo những sai phạm của nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn đến các cơ quan chức năng để kịp thời xử lý theo quy định; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề phát sinh của dự án đầu tư làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, môi trường, cơ sở hạ tầng và nội dung có liên quan khác tại địa phương.
3. Phối hợp đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thông báo, báo cáo theo quy định của Luật Đầu tư.
4. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, điều kiện đầu tư kinh doanh và các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức, triển khai hoạt động đầu tư.
5. Phối hợp xác minh, thông tin về dự án đầu tư trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 38. Triển khai thực hiện**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm triển khai thực hiện và tăng cường phối hợp đảm bảo thực hiện Quy định này đồng bộ, hiệu quả; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.
2. Trường hợp các văn bản pháp luật quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực liên quan có sự thay đổi thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 39. Trách nhiệm của Nhà đầu tư**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo đúng quy định; nộp các loại phí, lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.
4. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, nội dung và tiến độ quy định tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng

ký đầu tư; đồng thời báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư đầy đủ, trung thực và đúng thời gian quy định.

5. Chấp hành việc cung cấp thông tin về dự án đầu tư theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 40. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hằng quý, hằng năm, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư về tình hình thực hiện dự án đầu tư về các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư và Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Định kỳ hằng quý, hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thực hiện báo cáo đột xuất về các nội dung có liên quan khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 11 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 7 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa;*



*Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;*

*Theo đề nghị Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2041/TTr-SGTVT ngày 16/11/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét  
trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/2022/QĐ-UBND  
Ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung không được đề cập tại Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Trường hợp các văn bản được viện dẫn có sự sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhưng không làm thay đổi nội dung của Quy định này, thì thực hiện theo văn bản mới.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quy hoạch, xây dựng, lựa chọn khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất trong quá trình quản lý hoạt động nạo vét, lựa chọn khu vực, địa điểm để đổ thải chất nạo vét khi thực hiện các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; nhằm mục đích hạn chế những tác hại gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

#### **Mục 1**

### **QUY ĐỊNH CHUNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa**

1. Các hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan của pháp luật nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường nước, môi trường đất; bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông và không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các công trình khác.

2. Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa mà các hoạt động đó có thể gây cản trở hoạt động tránh trú của tàu thuyền vào mùa lũ lụt, khi có thiên tai xảy ra.

3. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, đơn vị thi công nạo vét thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện) đến cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý đường thủy nội địa khu vực, chính quyền địa phương nơi có công trình và có bảng niêm yết tại công trường trong suốt quá trình thi công. Bảng niêm yết thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện.

4. Các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, Luật Khoáng sản. Trường hợp các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa có đề phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan quản lý đê; đối với dự án nạo vét cơ bản

ở các tuyến đường thủy nội địa có đê từ cấp III đến cấp đặc biệt hoặc thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, phải lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi phê duyệt dự án.

5. Chất nạo vét phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đất đai, pháp luật về tài nguyên, môi trường nước và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Khuyến khích xã hội hoá nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa để thu hồi sản phẩm nạo vét.

#### **Điều 4. Quy định về công tác môi trường**

1. Các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu với khối lượng thực hiện hàng năm có tính quy luật, việc đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được thực hiện theo thời hạn từng năm hoặc theo chu kỳ đến 05 năm.

3. Các khu vực, địa điểm đổ thải, thu gom chất nạo vét, thu hồi đối với hoạt động nạo vét phải được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình lựa chọn vị trí; phải tổ chức thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường đối với các khu vực, địa điểm đổ thải trong suốt quá trình thực hiện dự án.

4. Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nạo vét theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường (đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, cấp giấy phép môi trường,...) thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### **Điều 5. Yêu cầu đối với công tác thi công, đổ thải chất nạo vét**

1. Chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa chịu trách nhiệm tổ chức giám sát công tác thi công nạo vét, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét. Các nội dung yêu cầu tuân thủ theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Yêu cầu đối với hệ thống giám sát nạo vét tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

3. Phương tiện thi công nạo vét, vận chuyển chất đổ thải phải đảm bảo các quy định về phương tiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật có liên quan về giao thông đường thủy nội địa, đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 6. Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo**

**vét trong vùng nước đường thủy nội địa**

1. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, chủ đầu tư, nhà đầu tư phải tổ chức xây dựng phương án bảo đảm an toàn giao thông trình cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn giám sát hoạt động nạo vét theo phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được phê duyệt đối với hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa địa phương.

3. Khi thực hiện nạo vét trong tình huống thiên tai, thời tiết xấu, các phương tiện phải thực hiện tránh trú bão theo điều động của cấp có thẩm quyền.

4. Đối với hoạt động nạo vét không gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa thì không phải lập phương án bảo đảm an toàn giao thông.

**Điều 7. Thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét**

1. Việc thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; các quy định về công tác thi công, đổ chất nạo vét thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét để bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

**Mục 2****HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT DUY TU LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 8. Nguyên tắc quản lý nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước**

1. Công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được nhà nước bảo đảm, bố trí từ nguồn vốn ngân sách hàng năm để thực hiện.

2. Không thực hiện việc bảo hành và mua bảo hiểm thi công công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa.

**Điều 9. Nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định**

1. Nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa từ nguồn vốn ngân sách nhà

nước theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định được thực hiện trên luồng đường thủy nội địa tại khu vực bãi cạn, đoạn cạn hoặc cửa thuộc các tuyến vận tải thủy chính, có hướng tuyến luồng ổn định tối thiểu 03 năm gần nhất và thường xuyên bị bồi lấp.

2. Hình thức thực hiện bảo trì luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

a) Bảo trì theo khối lượng thực tế: Nạo vét duy tu hàng năm; nạo vét duy tu đột xuất để đảm bảo an toàn giao thông theo hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với các nhiệm vụ đột xuất do nguyên nhân bất khả kháng mà nếu không thực hiện thì có nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy nội địa hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đường thủy nội địa;

b) Bảo trì theo chất lượng thực hiện: Nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định.

3. Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm, Sở Giao thông vận tải đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các luồng đường thủy nội địa địa phương thực hiện nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định (tối thiểu 03 năm).

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, dự toán kinh phí bảo vệ môi trường, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bản giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; Điều 4, Điều 5 Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT.

5. Việc xác định khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Quy định này.

6. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu; bàn giao mặt bằng thi công; tổ chức quản lý thi công công trình; kiểm tra giám sát thi công và thanh quyết toán công trình nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định; thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT.

### **Điều 10. Nạo vét duy tu đột xuất luồng đường thủy nội địa**

1. Trình, phê duyệt nhiệm vụ đột xuất

a) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường thủy nội địa khảo sát sơ bộ và báo cáo cơ quan quản lý đường thủy nội địa nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý đường thủy nội địa hoặc quyết định chủ trương cho phép thực hiện nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa.

2. Trình tự thực hiện: Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công; lập thẩm định, phê duyệt đề cương tư vấn; thiết kế dự toán; bàn giao mặt bằng thi công; tổ chức quản lý thi công công trình; kiểm tra giám sát thi công và thanh quyết toán công trình Nạo vét duy tu đột xuất luồng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 33/2019/TT- BGTVT.

### Mục 3

## HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CÓ KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM

### Điều 11. Trình tự thực hiện dự án

Công tác nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án và thực hiện theo các bước sau:

1. Lập và công bố danh mục khu vực nạo vét theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.
2. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP. Việc lựa chọn khu vực, vị trí đổ thải theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Quy định này.
3. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Quy định này.
4. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án theo quy định tại Mục 4 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.
5. Triển khai thực hiện dự án và bàn giao dự án theo quy định tại Mục 5 Chương V Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

### Điều 12. Phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa có kết hợp thu hồi sản phẩm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất đối với các dự án xã hội hóa nạo vét vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và giao cho:
  - a) Sở Công thương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hoá nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy điện;
  - b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu quản lý đối với các dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;
  - c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp quản lý theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

d) Sở Giao thông vận tải quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hoá nạo vét thuộc phạm vi các tuyến đường thủy nội địa, trừ các dự án đã quy định tại điểm a, điểm b, điểm c của Điều này.

2. Các sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH KHU VỰC, ĐỊA ĐIỂM ĐỔ THẢI CHẤT NẠO VÉT KHI THỰC HIỆN NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

### **Điều 13. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải**

1. Các khu vực, địa điểm thu gom chất nạo vét, thu hồi, đổ thải phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí; đồng thời phải đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

2. Điều kiện để xác định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Khu vực, địa điểm đổ thải phải được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí và chấp thuận bằng văn bản, có diện tích đáp ứng nhu cầu đổ thải chất nạo vét của từng dự án cụ thể.

b) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom chất thải từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa và đáp ứng được các quy định pháp luật về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định. Nếu thực hiện đổ thải lên trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

d) Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân.

3. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Vị trí khu vực, địa điểm đổ thải có khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ đúng quy định của pháp luật.

b) Có diện tích, sức chứa phù hợp để chứa, xử lý các chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo từng dự án cụ thể.

c) Để hạn chế tác động xấu của chất nạo vét đến môi trường xung quanh, kết cấu của khu vực đổ thải phải có bờ bao bằng đất tự nhiên hoặc bê tông cốt



thép (đảm bảo chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực đổ thải), xung quanh có hệ thống lọc nước và thoát nước.

#### **Điều 14. Điều tra, lựa chọn, chấp thuận khu vực, địa điểm đổ thải**

1. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải tổ chức điều tra, xác định khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên cơ sở quy định tại Điều 13 của Quy định này. Việc lập hồ sơ xác định vị trí đổ thải, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện từ giai đoạn lập dự án, thiết kế kỹ thuật.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi hồ sơ, văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm đổ thải, Báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Tài Nguyên và Môi trường để thực hiện công tác thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và phê duyệt chấp thuận, công bố các khu vực, địa điểm đổ thải.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban ngành liên quan**

##### **1. Sở Giao thông vận tải**

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

b) Xây dựng kế hoạch nạo vét duy tu hàng năm gửi Sở Tài chính cân đối và tổng hợp nhu cầu vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; sử dụng khoản tiền thưởng, phạt theo hợp đồng đối với các dự án nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra công tác thi công, thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

e) Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến chuẩn tắc, công tác thiết kế thi công nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan định kỳ sáu tháng, hàng năm báo cáo tình hình nạo vét duy tu và kết quả

thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét có kết hợp thu hồi sản phẩm với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Sở tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

b) Thực hiện công tác thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ môi trường đối với các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và chấp thuận, công bố các khu vực, địa điểm đổ thải.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan giám sát quá trình tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét để bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan thanh tra, kiểm tra công tác thi công, thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

## 3. Sở Công thương

a) Căn cứ việc thực hiện điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác công trình của chủ sở hữu công trình, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chủ trương thực hiện dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thẩm định phương án kỹ thuật dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy điện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ sáu tháng, hàng năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan trong

việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, chỉnh trị dòng sông thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điều 14 và Điều 18 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thẩm định phương án kỹ thuật dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ sáu tháng, cuối năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

## 5. Sở Xây dựng

a) Chủ trì xây dựng phương án, tiêu chuẩn và các điều kiện cần thiết để có thể tận dụng sản phẩm nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch, tổ chức xây dựng định mức dự toán cho các công tác đặc thù chuyên ngành của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về phương pháp, căn cứ xây dựng, sự phù hợp của kết quả tính toán các thành phần hao phí theo quy định.

c) Hướng dẫn thủ tục và thực hiện cấp đăng ký sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp.

## 6. Sở Tài chính

a) Cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa (kể cả cơ sở hạ tầng thông tin cho công tác giám sát quản lý nhà nước) theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

b) Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các luồng đường thủy nội địa địa phương thực hiện nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định (tối thiểu 03 năm) trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải.

c) Chủ trì, hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; sử dụng khoản tiền thưởng, phạt theo hợp đồng đối với các dự án xã hội hoá nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm.

#### 7. Công an tỉnh

a) Đảm bảo an ninh, trật tự trên các tuyến sông, hồ có hoạt động bến thủy nội địa.

b) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của các sở, ngành liên quan trong công tác phòng ngừa, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm trái phép; vận chuyển, tập kết và kinh doanh cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị nghiệp vụ tăng cường tuần tra, kiểm tra, thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cát, sỏi theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra phương tiện vận chuyển chất đống thải trong quá trình nạo vét, vận chuyển theo quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường thủy, đường bộ. Đồng thời, tăng cường lực lượng kiểm tra, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm về hoạt động nạo vét, hoạt động vận chuyển, đổ thải đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn theo phân cấp và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

b) Phối hợp với chủ đầu tư dự án nạo vét đường thủy nội địa và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, chấp thuận vị trí để sử dụng làm khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa; quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn. Cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

c) Triển khai thực hiện quy chế phối hợp trên địa bàn và các huyện, thị xã, thành phố thuộc các địa phương khác nằm trong khu vực giáp ranh địa giới hành chính.

d) Ngăn chặn các hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để thực hiện việc khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện hoặc nhận được tin báo xảy ra hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để khai thác vật liệu, cát, sỏi trái phép trên địa bàn; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện trách nhiệm

quản lý nhà nước về khoáng sản, hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, các quy định của Chính phủ và các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường đến thôn, bản, xóm; vận động nhân dân địa phương không khai thác, tập kết, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi trái phép. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cát, sỏi chưa khai thác.

b) Phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân lợi dụng công tác nạo vét để thực hiện việc khai thác khoáng sản, khai thác cát, sỏi trái phép; thực hiện quy chế phối hợp trên địa bàn và các xã thuộc các địa phương khác trong khu vực giáp ranh.

c) Ngăn chặn các hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ sáu tháng, cuối năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét do Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

### **Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu thực hiện nạo vét duy tu; Nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét có kết hợp thu hồi sản phẩm**

1. Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương để thực hiện việc giám sát cộng đồng; tuyên truyền, thông báo kế hoạch triển khai trước khi thi công dự án theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, xác nhận hiện trạng các công trình liên quan và đường bờ khu vực thuộc phạm vi dự án.

3. Gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án và niêm yết công khai trên công trường trước khi thi công và trong suốt thời gian thi công dự án.

4. Cam kết thực hiện dự án đã được phê duyệt tuân thủ các quy định hiện hành, không chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án cho đơn vị khác thực hiện. Chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục thiệt hại nếu thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt gây thiệt hại đến các công trình trong và ngoài phạm vi dự án theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thi công, nghiệm thu, bàn giao các hạng mục và toàn bộ công trình theo hồ sơ dự án được duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Trường hợp trong quá trình thi công dự án nếu có hiện tượng sạt lở đường bờ sông, kênh hoặc tiềm ẩn nguy hại đến công trình xung quanh thì phải tạm dừng nạo vét, đồng thời phối hợp với tư vấn giám sát báo cáo ngay chính

quyền địa phương nơi gần nhất và cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động, ảnh hưởng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để có biện pháp giải quyết.

7. Báo cáo về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng và yêu cầu đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: ..... đồng